TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST Ngày: 19-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý;

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc *"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị N, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

-*Bị đơn*: Anh Hàng V, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và tại Tòa án, nguyên đơn chị Thạch Thị N trình bày:

Chị và anh Hàng V sống chung như vợ chồng từ năm 2013, ngày 16/7/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Hàng V. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Hàng Thiên Y, sinh ngày 10/01/2013, hiện con đang sống cùng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên, không yêu cầu anh V cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Hàng V không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh V, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Hàng V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 45/2016, ngày 16/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện chị Thạch Thị N và anh Hàng V có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì anh V không tham gia tố tụng dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt và không có lời trình bày. Từ khi chị N nộp đơn khởi kiện đến nay thì anh V biết việc chị N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh V vẫn không có ý kiến, yêu cầu gì, điều này cho thấy bản thân anh V cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ với vợ. Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị N và anh V đã ly thân năm 2019 đến nay, sau khi ly thân mạnh ai chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, lo lắng, thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 77/2016, ngày 16/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của nguyên đơn chị N thể hiện, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Hàng Thiên

Y, sinh ngày 10/01/2013, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Thấy rằng, cháu Hàng Thiên Y đang sống với mẹ ổn định về chỗ ở và học hành, đồng thời cháu Y có nguyện vọng ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, nên chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Hàng V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị N là người yêu cầu xin ly hôn nên chị Thạch Thị N phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002942 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, chị N đã nộp đủ án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Hàng V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hàng Thiên Y, sinh ngày 10/01/2013 cho chị Thạch Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hàng V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002942

ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, chị N đã nộp đủ án phí. Anh Hàng V không phải nộp án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- UBND xã Châu H;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nghiệp